ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 19/2024/QĐ-UBND	*Bắc Kạn, ngày 18 tháng 10 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2024 và thay thế các Quyết định sau:

1. Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Điều 2 Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của bản Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2014 và Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

3. Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

4. Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi khoản 4 Điều 2 Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày

25 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Bản quy định ban hành kèm theo Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2014 và Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

5. Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các đơn vị sản xuất kinh doanh và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT (Minh Hồng), NCPC (Hòa).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 19/2024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn để quy định cụ thể các nội dung:

a) Điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 109; khoản 7, khoản 10 Điều 111 Luật Đất đai năm 2024.

b) Khoản 3 Điều 4; khoản 2 Điều 15; điểm b khoản 2 Điều 17; điểm c khoản 1 Điều 18; khoản 6 Điều 20; khoản 3 Điều 22; khoản 2 Điều 23; điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan Nhà nước thực hiện quyền hạn và trách nhiệm đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai, thực hiện nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước về đất đai và công chức làm công tác địa chính ở cấp xã; đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Người có đất thu hồi và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thu hồi.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Chương II
BỒI THƯỜNG KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Điều 3. Tỷ lệ quy đổi, điều kiện bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở khi Nhà nước thu hồi đất để bồi thường cho người có đất thu hồi quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

1. Điều kiện để được bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi để bồi thường cho người có đất thu hồi

a) Trên địa bàn cấp huyện có quỹ đất, quỹ nhà ở để bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở.

b) Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có đủ điều kiện bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất.

c) Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhu cầu bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác hoặc bằng nhà ở trong cùng một dự án.

d) Các loại đất, diện tích đất thu hồi tối thiểu được quy đổi như sau:

Đất trồng cây hằng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác cùng thửa đất ở hoặc có nguồn gốc cùng thửa đất ở có tổng diện tích là 500m^2.

Đất trồng cây hằng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất chăn nuôi tập trung, đất nông nghiệp khác có tổng diện tích là 1.500m^2.

Đất rừng sản xuất có diện tích là 10.000m^2.

2. Tỷ lệ quy đổi bồi thường bằng đất ở

Mỗi hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế chỉ được quy đổi tối đa bằng 02 (hai) thửa đất ở theo quy hoạch chi tiết và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

a) Đối với trường hợp thu hồi đất trồng cây hằng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác cùng thửa đất ở hoặc có nguồn gốc cùng thửa đất ở: Được bồi thường bằng đất ở, tỷ lệ là 20% diện tích đất thu hồi.

b) Đối với trường hợp thu hồi đất trồng cây hằng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất chăn nuôi tập trung, đất nông nghiệp khác không cùng thửa đất ở hoặc không có nguồn gốc cùng thửa đất ở: Được bồi thường bằng đất ở, tỷ lệ là 5% diện tích đất thu hồi.

c) Đối với trường hợp thu hồi đất rừng sản xuất: Được bồi thường bằng đất ở, tỷ lệ là 1% diện tích đất thu hồi.

d) Trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế mà có 2 hoặc 3 nhóm loại đất theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này mà diện tích đất thu hồi của từng loại nhỏ hơn diện tích tối thiểu để được quy đổi thì được cộng vào diện tích nhóm loại đất có diện tích tối thiểu được quy đổi lớn hơn để đáp ứng đủ điều kiện quy đổi của nhóm loại đất có diện tích tối thiểu được quy định lớn hơn.

3. Tỷ lệ quy đổi bồi thường bằng nhà ở: Căn cứ quỹ nhà ở trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân tỉnh quyết định đối với từng dự án cụ thể.

Điều 4. Bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

1. Người có mồ mả phải di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường theo đơn giá cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định. Ngoài kinh phí bồi thường theo quy định, còn được bồi thường chi phí hợp lý khác là 3.000.000 đồng/mộ.

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân là chủ mộ tự bố trí đất để đặt mộ thì được hỗ trợ tiền như sau: Thành phố Bắc Kạn là 10.000.000 đồng; huyện Chợ Mới

là 7.000.000 đồng; các huyện: Bạch Thông, Ba Bể, Ngân Sơn, Na Rì, Chợ Đồn và Pác Nặm là 6.000.000 đồng.

3. Trường hợp mồ mả trong phạm vi đất thu hồi phải di dời mà không có người thân thực hiện việc di dời thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có mồ mả thực hiện việc di dời để giải phóng mặt bằng công trình. Kinh phí được áp dụng theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này và do đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chi trả.

Điều 5. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với trường hợp không có hồ sơ, chứng từ chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

Người có đất thu hồi thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 107 Luật Đất đai năm 2024 mà không có hồ sơ, chứng từ chứng minh nhưng thực tế đã có đầu tư vào đất thì việc xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại như sau:

1. Người bị thu hồi đất tự kê khai, nêu rõ các khoản chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP đối với từng loại đất, diện tích, thời điểm, mục đích đầu tư phù hợp với mục đích sử dụng từng loại đất, diện tích, thời điểm sử dụng đất (người kê khai chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với nội dung tự kê khai).

2. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, trưởng thôn, bản, tổ dân phố nơi có đất, kiểm tra nội dung kê khai, thống nhất xác định các khoản chi phí đầu tư vào đất còn lại.

Điều 6. Bồi thường thiệt hại đối với đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn khi xây dựng công trình, khu vực có hành lang bảo vệ an toàn trong trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất, nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất quy định tại điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

1. Đối với đất ở, các loại đất khác cùng thửa đất ở, các loại đất khác có nguồn gốc cùng thửa đất ở và đất phi nông nghiệp không phải là đất ở có đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 95 của Luật Đất đai năm 2024, Điều 5 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì được bồi thường một lần bằng 50% mức bồi thường khi thu hồi đất cùng loại, tính trên diện tích đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn.

2. Đối với đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 95, khoản 3 Điều 96 của Luật Đất đai năm 2024, Điều 5 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì được bồi thường một lần bằng 30% mức bồi thường khi thu hồi đất cùng loại, tính trên diện tích đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn.

Chương III
HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Điều 7. Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 6 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

1. Đối tượng, điều kiện được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

2. Mức hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh

a) Đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh bao gồm: Hỗ trợ mua giống cây trồng, giống vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và kỹ thuật nghiệp vụ đối với sản xuất, kinh doanh dịch vụ công thương nghiệp.

Mức hỗ trợ: Đối với đất trồng cây hằng năm, đất trồng cây lâu năm và đất nuôi trồng thủy sản là 10.000 đồng/m^2 đất thu hồi; đối với các loại đất nông nghiệp còn lại là 5.000 đồng/m^2 đất thu hồi. Mức hỗ trợ tối đa không quá 15.000.000 đồng/01 hộ gia đình, cá nhân/dự án.

b) Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh bằng tiền, mức hỗ trợ bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 (ba) năm liền kề trước đó; trường hợp thời gian kinh doanh chưa đủ 03 (ba) năm thì tính theo mức thu nhập bình quân (tính theo năm) từ khi bắt đầu kinh doanh (theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) đến thời điểm thu hồi đất.

Thu nhập sau thuế được xác định là thu nhập sau khi đã nộp thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân, pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Điều 8. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai năm 2024; khoản 3 Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

1. Mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm

a) Đất nông nghiệp bằng 03 (ba) lần giá đất cùng loại trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

b) Diện tích được hỗ trợ là toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi, nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương theo quy định tại Điều 176 Luật Đất đai năm 2024.

2. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người có đất thu hồi là đất nông nghiệp, đất ở kết hợp kinh doanh dịch vụ

a) Căn cứ Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề

cho người có đất thu hồi, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện lập và tổ chức thực hiện phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người trong độ tuổi lao động có đất thu hồi.

b) Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm được lập và phê duyệt đồng thời với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trong quá trình lập phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm phải lấy ý kiến của người bị thu hồi đất.

Điều 9. Hỗ trợ thuê nhà ở, giao đất ở, bán nhà ở, hỗ trợ bằng tiền để tự lo chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ nhà mà không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp huyện nơi có đất thu hồi thì được hỗ trợ thuê nhà ở tại nơi tái định cư; giá thuê nhà là giá thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; nhà thuê tại nơi tái định cư được Nhà nước bán cho người đang thuê theo quy định của pháp luật về nhà ở về bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê. Việc hỗ trợ được thực hiện như sau:

1. Trường hợp tự lo chỗ ở mới thì mức hỗ trợ thuê nhà ở như sau:

a) Mức hỗ trợ 01 tháng cho 01 hộ có đất bị thu hồi là:

Đơn vị hành chính	Hộ từ 01 đến 04 người	Hộ từ 05 người trở lên
Thành phố Bắc Kạn	3.000.000 đồng	4.000.000 đồng
Các xã, thị trấn trung tâm huyện lỵ	2.000.000 đồng	3.000.000 đồng
Các xã còn lại	1.500.00 đồng	2.000.000 đồng

b) Thời gian hỗ trợ: 06 tháng.

c) Nhân khẩu để tính hỗ trợ thuê nhà: Là số nhân khẩu có tên đăng ký thường trú và thực tế sinh sống trong hộ gia đình tại thời điểm có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Hỗ trợ giao đất ở có thu tiền sử dụng đất: Diện tích đất giao không thấp hơn suất tái định cư tối thiểu và không vượt quá hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Điều 10. Hỗ trợ tiền thuê nhà ở, thưởng đối với người có đất ở bị thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn, quy định tại khoản 7 Điều 111 Luật Đất đai năm 2024

1. Người có đất ở bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị thì được bồi thường bằng đất ở, nhà ở tại chỗ; trong thời gian chờ bố trí tái định cư thì được bố trí vào nhà ở tạm hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở như sau:

a) Mức hỗ trợ 01 tháng cho 01 hộ có đất bị thu hồi là:

Đơn vị hành chính	Hộ từ 01 đến 04 người	Hộ từ 05 người trở lên
Thành phố Bắc Kạn	3.000.000 đồng	4.000.000 đồng
Các xã, thị trấn trung tâm huyện lỵ	2.000.000 đồng	3.000.000 đồng
Các xã còn lại	1.500.000 đồng	2.000.000 đồng

b) Thời gian hỗ trợ: 06 tháng.

Trường hợp hết thời gian 06 tháng hỗ trợ tiền thuê nhà ở mà hộ gia đình, cá nhân chưa được Nhà nước giao đất để xây dựng nhà ở thì tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng báo cáo, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện gia hạn thời gian hỗ trợ thuê nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân, nhưng tối đa không quá 06 tháng.

c) Nhân khẩu để tính hỗ trợ thuê nhà là số nhân khẩu có tên đăng ký thường trú và thực tế sinh sống trong hộ gia đình tại thời điểm có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

d) Trường hợp được bố trí vào nhà ở tạm do Nhà nước xây dựng thì không được hỗ trợ tiền thuê nhà.

2. Thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn

a) Người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ban hành thông báo chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì được thưởng bằng 2% giá trị bồi thường về đất và tài sản trên đất (không tính các khoản hỗ trợ); mức thưởng tối đa không quá 15.000.000 đồng/người có đất thu hồi/01 dự án, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

b) Trường hợp chỉ thu hồi đất nông nghiệp, người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ban hành thông báo bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì được thưởng bằng 3% giá trị bồi thường về đất và tài sản trên đất (không tính các khoản hỗ trợ), mức thưởng tối thiểu 500.000 đồng/người có đất thu hồi/01 dự án, tối đa không quá 10.000.000 đồng/người có đất thu hồi/01 dự án.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều này, quyết định thưởng theo đề nghị của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Điều 11. Suất tái định cư tối thiểu quy định tại khoản 10 Điều 111 Luật Đất đai năm 2024; điểm c khoản 1 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

1. Suất tái định cư tối thiểu bằng đất ở

Diện tích đất ở đối với các xã, phường thuộc thành phố Bắc Kạn và thị trấn, trung tâm huyện lỵ là 100m^2; các khu vực còn lại là 200m^2.

2. Suất tái định cư tối thiểu bằng tiền

Giá trị suất tái định cư tối thiểu bằng tiền được xác định bằng diện tích suất tái định cư tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều này nhân với giá đất ở thấp nhất tại nơi bố trí tái định cư.

Điều 12. Hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài đủ điều kiện được hỗ trợ tái định cư mà có nhu cầu tự lo chỗ ở ngoài việc bồi thường về đất bằng tiền còn được nhận tiền hỗ trợ để tự lo chỗ ở, quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

1. Đối với các xã, phường thuộc thành phố Bắc Kạn và thị trấn, trung tâm huyện lỵ mức hỗ trợ như sau: Đối với hộ có từ 01-04 khẩu, diện tích thu hồi dưới 150m^2 đất ở, mức hỗ trợ là 250.000.000 đồng/hộ; diện tích thu hồi từ 150m^2 đến 200m^2 thì mức hỗ trợ cộng thêm cho mỗi một mét vuông là 1.500.000 đồng; diện tích thu hồi trên 200m^2 thì mức hỗ trợ cộng thêm mỗi một mét vuông là 1.000.000 đồng; đối với hộ có số nhân khẩu thứ 5 trở lên thì mỗi khẩu tăng thêm được hỗ trợ 5.000.000 đồng/khẩu (không công nhận khẩu tăng thêm sau khi đã có thông báo thu hồi đất).

2. Đối với các xã còn lại, mức hỗ trợ như sau: Đối với hộ có từ 01-04 khẩu, diện tích thu hồi dưới 150m^2 đất ở, mức hỗ trợ là 200.000.000 đồng/hộ; diện tích thu hồi từ 150m^2 đến 200m^2 thì mức hỗ trợ cộng thêm cho mỗi một mét vuông là 1.000.000 đồng; diện tích thu hồi trên 200m^2 thì mức hỗ trợ cộng thêm mỗi một mét vuông là 500.000 đồng; đối với hộ có số nhân khẩu thứ 5 trở lên thì mỗi khẩu tăng thêm được hỗ trợ 5.000.000 đồng/khẩu (không công nhận khẩu tăng thêm sau khi đã có thông báo thu hồi đất).

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

2. Kịp thời phát hiện và tiếp nhận ý kiến, kiến nghị các vấn đề vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các công trình, dự án; đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan giải quyết theo chức năng nghiệm vụ và thẩm quyền được giao; phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan để tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến chỉ đạo giải quyết.

3. Hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; chủ trì giải quyết các vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất về đất đai.

4. Phối hợp giải quyết các vướng mắc liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc trách nhiệm chủ trì tham mưu của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan.

5. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy định này; tổng hợp những vướng mắc phát sinh, tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan thẩm định dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm (nếu có) đối với dự án, tiểu dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương giải quyết những vướng mắc về thực hiện nghĩa vụ tài chính của người có đất Nhà nước thu hồi, đơn giá bồi thường về đất và tài sản trên đất.

3. Tham gia thẩm định phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh khi có đề nghị của cơ quan Tài nguyên và Môi trường.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Giải quyết các nội dung vướng mắc liên quan đến việc thu hồi đất mà phải di dời nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước.

2. Chủ trì hướng dẫn, giải quyết các vướng mắc về đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, công trình xây dựng; giá nhà ở tái định cư; việc bồi thường, hỗ trợ về tài sản, công trình, vật kiến trúc và vướng mắc khác thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng theo quy định.

3. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan giải quyết các vướng mắc về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Hướng dẫn, kiểm tra việc lập, thực hiện dự án xây dựng khu tái định cư thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo pháp luật về đầu tư.

2. Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính cân đối và điều chỉnh nguồn vốn ngân sách địa phương đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và nhu cầu xây dựng khu tái định cư đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện lập và tổ chức thực hiện phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người trong độ tuổi lao động có đất thu hồi.

Điều 18. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành khác có liên quan

Phối hợp, tham gia thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với những nội dung liên quan thuộc chức năng quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị. Hướng dẫn, xác định chỉ giới hành lang, phạm vi bảo vệ an toàn thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn.

2. Phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; ban hành thông báo thu hồi đất; ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền; phê duyệt dự toán chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

3. Lập và thực hiện các dự án tái định cư theo quy định của pháp luật.

4. Phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết các vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Phổ biến, tuyên truyền chính sách pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Phối hợp với đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các đoàn thể thực hiện các bước trong quy trình thu hồi đất, lập, hoàn thiện và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

3. Kiểm tra, phối hợp kiểm tra xác nhận các hồ sơ liên quan

a) Tình trạng tranh chấp, nguồn gốc, quá trình, thời điểm sử dụng đất.

b) Tính hợp pháp, thời điểm và quá trình hình thành của tài sản gắn liền với đất, chi phí đầu tư còn lại vào đất.

c) Xác nhận đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp, đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, tỷ lệ phần trăm (%) diện tích đất nông nghiệp thu hồi; số nhân khẩu trong độ tuổi lao động (đối với trường hợp thu hồi đất nông nghiệp, thu hồi đất ở kết hợp với kinh doanh có nhu cầu hỗ trợ đào tạo, học nghề và tìm kiếm việc làm).

d) Xác nhận đối tượng chính sách.

4. Phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết khiếu nại, tố cáo và các vấn đề khác liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Điều 21. Trách nhiệm của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Tổ chức thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đã được phê duyệt.

2. Lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; tổ chức triển khai thực hiện các phương án đã được phê duyệt.

3. Có trách nhiệm áp dụng đúng quy định các văn bản pháp luật, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, hợp lý của số liệu kiểm đếm, thống kê được bồi thường, hỗ trợ.

4. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định. Hướng dẫn, giải đáp thắc mắc của người sử dụng đất về những vấn đề liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

5. Thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư dự án để thực hiện các thủ tục tiếp theo.

6. Báo cáo, đề xuất kịp thời với cấp có thẩm quyền để giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Điều 22. Trách nhiệm của Chủ đầu tư dự án (đối với trường hợp xác định chủ đầu tư trước khi thu hồi đất, chủ đầu tư tự nguyện ứng trước tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư)

1. Cung cấp các hồ sơ liên quan đến dự án, phối hợp với chính quyền địa phương và đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong quá trình thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

2. Phối hợp với đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi xây dựng kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện chuẩn bị quỹ đất tái định cư trước khi thực hiện dự án.

4. Đảm bảo đầy đủ, kịp thời kinh phí để chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và kinh phí tổ chức thực hiện.

Điều 23. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với trường hợp đã có quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày quy định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định này.

2. Đối với trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày quy định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa thực hiện thì thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã phê duyệt; việc xử lý chi trả bồi thường chậm thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm Nhà nước ban hành quyết định thu hồi đất./.